

Số: 2771 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Đầu tư xây dựng khu chăn nuôi lợn tập trung công nghệ an toàn sinh học” tại
huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 5053/BTNMT-TCMT ngày 26 tháng 08 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định và báo cáo của Tổng cục Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng khu chăn nuôi lợn tập trung công nghệ an toàn sinh học”

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng khu chăn nuôi lợn tập trung công nghệ an toàn sinh học” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Một thành viên SHG (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại thôn Đôn Xa, thôn Lũng Nghiều và thôn Lũng Túng, xã Hòa Bình, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022

của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Một thành viên SHG;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở TN&MT tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, VH.



**KI. BỘ TRƯỞNG
THƯ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU CHĂN NUÔI LỢN TẬP TRUNG CÔNG NGHỆ
AN TOÀN SINH HỌC”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: “Đầu tư xây dựng khu chăn nuôi lợn tập trung công nghệ an toàn sinh học”.

- Địa điểm thực hiện: Thôn Đon Xa, thôn Lũng Nghiều và thôn Lũng Túng, xã Hòa Bình, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Một thành viên SHG.

- Địa chỉ liên hệ: thôn Đon Xa, xã Hòa Bình, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Tổng diện tích sử dụng đất của Dự án khoảng 146.049,4 m² tại địa phận thôn Đon Xa, thôn Lũng Nghiều và thôn Lũng Túng, xã Hòa Bình, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Quy mô chăn nuôi lợn: Nuôi lợn nái sinh sản 1.250 con/năm; nuôi lợn thịt là 9.000 con/lứa (2 lứa/năm).

Vị trí, tọa độ giới hạn của Dự án cụ thể như sau (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trực 107°15’):

Tọa độ các điểm giới hạn của dự án								
Mốc	Hệ tọa độ		Mốc	Hệ tọa độ		Mốc	Hệ tọa độ	
A-1	2398007.050	425479.030	A-44	2397371.040	425576.640	A-87	2398080.880	425132.660
A-2	2398004.930	425484.430	A-45	2397361.920	425588.940	A-88	2398086.810	425140.120
A-3	2398010.390	425488.070	A-46	2397334.820	425514.050	A-89	2398109.510	425117.180
A-4	2398029.620	425489.000	A-47	2397310.280	425607.020	A-90	2398119.810	425110.470
A-5	2398036.020	425492.190	A-48	2397321.514	425550.516	A-91	2398145.620	425098.950
A-6	2398030.410	425497.380	A-49	2397310.198	425502.183	A-92	2398170.510	425089.940
A-7	2398038.870	425504.620	A-50	2397288.220	425474.650	A-93	2398176.247	425093.170
A-8	2398041.450	425518.170	A-51	2397287.820	425439.090	A-94	2398209.065	425070.783
A-9	2398047.650	425521.700	A-52	2397299.180	425413.030	A-95	2398246.169	425038.250
A-10	2398028.820	425545.050	A-53	2397300.010	425380.910	A-96	2398265.399	425023.041
A-11	2397999.070	425533.160	A-54	2397303.440	425349.820	A-97	2398329.113	425983.578

A-12	2397977.733	425538.208	A-55	2397335.950	425369.060	A-98	2398334.878	425992.751
A-13	2397958.700	425550.270	A-56	2397327.309	425419.062	A-99	2398275.949	425028.247
A-14	2397913.430	425603.230	A-57	2397335.198	425417.973	A-100	2398242.607	425063.430
A-15	2397909.230	425615.260	A-58	2397347.843	425391.756	A-101	2398210.604	425084.538
A-16	2397893.630	425614.840	A-59	2397378.960	425413.850	A-102	2398157.150	425131.040
A-17	2397894.450	425631.760	A-60	2397381.801	425441.956	A-103	2398167.350	425145.520
A-18	2397897.850	425634.860	A-61	2397392.420	425467.700	A-104	2398155.810	425147.870
A-19	2397897.070	425655.850	A-62	2397410.220	425456.410	A-105	2398095.847	425212.603
A-20	2397902.850	425667.440	A-63	2397461.880	425462.800	A-106	2398040.950	425274.960
A-21	2397873.250	425705.580	A-64	2397451.970	425453.320	A-107	2398040.358	425306.444
A-22	2397866.740	425696.740	A-65	2397475.000	425453.620	A-108	2398035.910	425334.390
A-23	2397864.560	425699.160	A-66	2397490.800	425461.300	A-109	2398052.739	425345.259
A-24	2397861.910	425695.900	A-67	2397509.090	425480.540	A-110	2398005.520	425397.100
A-25	2397856.090	425697.760	A-68	2397544.080	425499.180	A-111	2398033.790	425423.500
A-26	2397845.530	425688.220	A-69	2397612.010	425516.030	A-112	2398093.920	425347.550
A-27	2397849.460	425682.330	A-70	2397652.020	425512.840	A-113	2398121.640	425322.240
A-28	2397844.239	425681.394	A-71	2397688.310	425506.220	A-114	2398096.440	425292.810
A-29	2397833.640	425669.880	A-72	2397723.050	425460.340	A-115	2398134.440	425248.570
A-30	2397821.080	425668.520	A-73	2397724.880	425503.440	A-116	2398145.450	425244.320
A-31	2397835.920	425652.030	A-74	2397627.540	425547.140	A-117	2398146.830	425231.430
A-32	2397819.260	425614.240	A-75	2397632.280	425573.450	A-118	2398157.130	425212.250
A-33	2397812.531	425588.090	A-76	2397664.880	425567.710	A-119	2398172.687	425195.768
A-34	2397797.880	425563.080	A-77	2397676.660	425611.240	A-120	2398183.820	425207.210
A-35	2397782.220	425545.220	A-78	2397693.020	425606.880	A-121	2398158.580	425251.560
A-36	2397755.100	425563.980	A-79	2397760.350	425551.310	A-122	2398156.960	425311.580
A-37	2397689.330	425621.500	A-80	2397838.310	425460.920	A-123	2398153.890	425342.080

A-38	2397659.830	425657.380	A-81	2397811.780	425423.830	A-124	2398153.990	425396.410
A-39	2397655.580	425649.730	A-82	2397877.485	425358.133	A-125	2398144.320	425396.940
A-40	2397553.640	425633.820	A-83	2397861.795	425328.723	A-126	2398118.160	425434.000
A-41	2397550.850	425671.990	A-84	2397962.270	425231.610	A-127	2398076.570	425401.100
A-42	2397490.230	425659.390	A-85	2398018.260	425162.750	A-128	2398048.730	425433.770
A-43	2397440.020	425622.920	A-86	2398029.870	425160.360	A-129	2398039.410	425429.390

1.3. Công nghệ sản xuất

- Quy trình công nghệ chăn nuôi lợn nái

Nhập lợn giống (lợn nái và lợn đực giống) → Chăm sóc, nuôi dưỡng → Lợn con → Lợn hậu bị → Phối giống → Sinh con → Con giống hạt nhân hoặc nuôi làm lợn thịt thương phẩm.

- Quy trình công nghệ chăn nuôi lợn thịt

Lợn con từ Dự án → Chăm sóc, nuôi dưỡng → Bán.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư

Trong 146.049,4 m² diện tích của Dự án, diện tích đất giao thông khoảng 12.735,66 m²; diện tích đất cây xanh khoảng 97.632,33 m²; diện tích xây dựng các công trình khoảng 35.681,41 m² bao gồm:

- Khu hành chính - quản lý;
- Khu chăn nuôi heo bao gồm: 07 nhà hậu bị; 02 nhà bầu; 03 nhà đẻ; 03 kho cám; 05 bể nước;
- Các hạng mục công trình phụ trợ: cổng, nhà bảo vệ, nhà xuất bán, nhà văn phòng, nhà để xe máy, ô tô, nhà vệ sinh khu cách ly, nhà ở khu cách ly, nhà sát trùng ô tô, Chòi điều khiển cân, trạm cân, nhà cách ly, nhà sát trùng chuồng cách ly, trạm biến áp, nhà máy phát điện, sân, hàng rào, hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc, cấp nước và phòng cháy chữa cháy, hệ thống thu gom, thoát nước mưa.
- Các công trình bảo vệ môi trường: hầm biogas 1; bể lắng 1 (cho hầm Biogas 1); hồ lắng 1; hồ hiếu khí; hồ lắng 2; hồ lắng 3; hầm biogas 2; bể lắng (cho hầm Biogas 2); nhà điều hành xử lý; hệ thống xử lý nước thải công suất 300 m³/ngày.đêm; hồ sinh học 1; hồ sinh học 2; nhà ép phân; nhà hủy xác; nhà chứa chất thải rắn; hệ thống thu gom, thoát nước thải.
- Hệ thống đường giao thông nội bộ, bãi đỗ xe.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án với loại hình trang trại sinh học, khép kín nằm tại khu vực xa khu dân cư tập trung. Tuy nhiên, các hộ dân sống rải rác gần khu vực Dự án có thể bị ảnh hưởng do mùi hôi từ các hoạt động chăn nuôi.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động dọn dẹp, giải phóng mặt bằng phục vụ thi công và hoạt động vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu thi công.
- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án.
- Các hoạt động nêu trên có khả năng tác động xấu đến môi trường như: phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải khác, chất thải rắn (CTR) sinh hoạt, CTR thông thường, chất thải nguy hại (CTNH); ảnh hưởng đến hệ thống giao thông, cảnh quan, môi trường khu vực Dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các chuồng trại chăn nuôi lợn nái, lợn nọc, lợn thịt.
- Hoạt động xử lý phân và nước thải, xử lý mùi phát sinh.
- Các hoạt động trên có phát sinh nước thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt, CTR sinh hoạt, CTR thông thường, CTNH, phát sinh mùi hôi. Các hoạt động này có nguy cơ gây ô nhiễm nước dưới đất, ô nhiễm môi trường đất, sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung ngừng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả, ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường đất, nước, không khí khu vực Dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nước thải

3.1.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động rửa bánh xe của phương tiện ra vào công trường thi công phát sinh nước thải với lưu lượng khoảng $4,5\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát.
- Nước mưa chảy tràn phát sinh trên toàn bộ diện tích Dự án với lưu lượng khoảng $3.603,16(\text{l/s})$. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát.
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường phát sinh với lưu lượng khoảng $2,15\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ, BOD, TSS, Coliform,...

3.1.2. Trong giai đoạn vận hành

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân tại trang trại chăn nuôi phát sinh với lưu lượng khoảng $9,5\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thành phần: Các chất hữu cơ, BOD, TSS, Coliform,...
- Hoạt động chăn nuôi lợn tại khu trại phát sinh nước thải với lưu lượng khoảng $249,95\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thành phần chủ yếu là: hàm lượng BOD, COD, TSS, tổng N, Coliform,...
- Nước mưa chảy tràn phát sinh trên toàn bộ diện tích Dự án với lưu lượng khoảng $839,32(\text{l/s})$. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát,...

3.2. Khí thải

3.2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động giải phóng mặt bằng, san nền, thi công xây dựng các hạng mục công trình, bốc xếp, tập kết nguyên vật liệu, vận chuyển nguyên vật liệu thi công, đất

đá thải, phế thải phát sinh bụi và khí thải. Thành phần chủ yếu là bụi, CO, NO₂, SO₂,...

- Hoạt động của các thiết bị, máy móc thi công phát sinh bụi, khí thải. Thành phần chủ yếu là bụi, SO₂, NO_x, CO, VOCs,...

3.2.2. Trong giai đoạn vận hành

- Hoạt động chăn nuôi lợn phát sinh chủ yếu là mùi hôi. Thành phần chủ yếu là khí H₂S, CH₄, N₂O, NH₃,...

- Hoạt động ủ phân, lưu giữ chất thải phát sinh khí thải. Thành phần chủ yếu là khí H₂S, NH₃, CH₄,...

- Khí thải từ việc vận hành Hệ thống xử lý nước thải công suất 300m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là khí H₂S, NH₃, CH₄,...

- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển, máy phát điện (dự phòng) phát sinh khí thải. Thành phần chủ yếu là bụi và các chất SO₂, NO_x, CO, VOCs,...

- Hoạt động xử lý, chôn lấp lợn chết phát sinh các khí thải có mùi hôi.

3.3. Chất thải rắn, CTNH

3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên phát sinh CTR sinh hoạt với khối lượng khoảng 50 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa, vỏ chai thủy tinh, kim loại,...

b) Trong giai đoạn vận hành:

Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên phát sinh CTR sinh hoạt với khối lượng khoảng 70 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là vỏ đồ hộp, pallet, giấy báo, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

3.3.2. CTR thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng phục vụ thi công phát sinh chất thải rắn thông thường với khối lượng khoảng 18,10 tấn. Thành phần chủ yếu là cây bụi, cỏ, đất cát bám theo rễ cây,...

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phát sinh CTR thông thường với khối lượng khoảng 313,87 tấn. Thành phần chủ yếu là đất, đá, cát, gạch vỡ, bê tông thừa, vỏ bao bì, xà bần,...

b) Trong giai đoạn vận hành

- Hoạt động chăn nuôi lợn phát sinh chất thải rắn thông thường với khối lượng khoảng 25,92 tấn/tháng. Thành phần chủ yếu là phân lợn, nhau thai, bao bì đựng thức ăn chăn nuôi, bao bì chứa phân thải, bã thải bể biogas,...

3.3.3. Chất thải nguy hại

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng

Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình phát sinh CTNH với khối lượng 160 kg/năm. Thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh

quang thải,....

b) Trong giai đoạn vận hành

Hoạt động chăn nuôi lợn phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 26 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là chất thải lây nhiễm (kim tiêm thú y, vỏ chai lọ đựng thuốc thú y, xác lợn chết do dịch, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải,...).

3.4. Tiếng ồn, độ rung

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu trong giai đoạn thi công xây dựng từ các loại máy móc thi công,...

- Nguồn phát sinh độ rung do hoạt động của các phương tiện, máy móc thi công.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Nguồn phát sinh chủ yếu từ các phương tiện vận chuyển.

- Nguồn phát sinh độ rung từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển, máy ép phân.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư:

4.1. Nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Toàn bộ nước thải vệ sinh từ hoạt động của công nhân tại công trường thi công được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn dung tích khoảng 3m³ đạt QCVN 14:2008 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B), sau đó được thu gom, xả thải theo quy định.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa bánh xe tại công trường được thu gom vào 01 hố lắng kích thước (2 x 1 x 1) m để tách dầu và lắng cặn trước khi tái sử dụng rửa bánh xe trên công trường.

- Các nguồn nước thải thi công khác được thu gom vào các rãnh thu gom và vào hố lắng, xử lý sơ bộ đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B) và tái sử dụng cho các hoạt động rửa thiết bị, máy móc.

b) Giai đoạn vận hành:

Các hạng mục, công trình của hệ thống xử lý nước thải bao gồm:

- Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại kích thước: 14.04 m² x 1,8 m = 25,27 m³, sau đó nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ và nước thải chăn nuôi được dẫn về khu xử lý nước thải tập trung của trang trại.

- Nước thải từ các chuồng trại chăn nuôi (nước tắm cho heo, nước vệ sinh chuồng trại, nước tiểu của heo, nước thải từ quá trình ép phân) sẽ được thu gom bằng các đường ống uPVC, đường kính là D114, D200, D250, D315 có bố trí các hố ga lắng cặn có kích thước dài x rộng x cao = 0,8 x 0,8 x 0,8 m hoặc dài x rộng x cao = 1,2 m x 1,2 m x 1,2 m về hầm Biogas và bể lắng, sau đó nước thải theo hệ thống đường ống PVC D200 dẫn về khu xử lý nước thải tập trung của trang trại.

Do địa hình của Dự án có độ dốc khác nhau, nước thải được thu gom về hệ

thống xử lý nước thải tập trung chia làm 2 khu vực như sau:

+ Nước thải từ khu vực 1 (bao gồm dòng nước thải sinh hoạt từ khu hành chính – quản lý – phụ trợ và dòng nước thải chăn nuôi từ nhà hậu bị, nước thải từ quá trình ép phân) → Hàm biogas 1 → Bể lắng (cho hàm Biogas 1) → Hồ lắng 1 → Hồ hiếu khí → Hồ lắng 2 → Hồ lắng 3 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải từ khu vực 2 (bao gồm dòng nước thải chăn nuôi từ nhà bầu và nhà đẻ) → Hàm biogas 2 → Bể lắng (cho hàm Biogas 2) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Quy trình xử lý của Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 300 m³/ngày.đêm:

Nước thải từ khu vực 1 và khu vực 2 → Hồ thu gom → Bể điều hoà → Cụm bể phản ứng, lắng 1 → Bể Anoxic → Bể hiếu khí → Bể trung gian → Cụm bể phản ứng, lắng 2 → Bể khử trùng → Hồ sinh học 1 → Hồ sinh học 2 → Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B) → tuần hoàn, tái sử dụng để tưới cho diện tích cây xanh và vệ sinh chuồng trại trong trang trại, không xả ra môi trường.

4.2. Bụi, khí thải:

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Sử dụng phương tiện, máy móc được đăng kiểm.
- Che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,... không để rơi rớt vật liệu.
- Phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định.
- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh.
- Phun nước giảm bụi tối thiểu 02 lần/ngày vào những ngày trời không mưa.
- Bố trí 01 cầu rửa xe tại vị trí gần khu vực công ra vào của mỗi công trường để rửa sạch bùn đất bánh xe của các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường.
- Vệ sinh và phun chế phẩm enzym khử mùi định kỳ đối với các thùng chứa CTR sinh hoạt tại khu vực tập kết.

b) Giai đoạn vận hành

- Thu hồi khí sinh ra từ bể biogas, tận dụng chạy máy phát điện, nấu bếp, sinh hoạt trong trang trại.
- Biện pháp giảm thiểu mùi tại hệ thống xử lý nước thải tập trung:
 - + Trồng cây tạo hành lang ngăn mùi xung quanh với chiều rộng hành lang tối thiểu là 10 m nhằm tạo dải phân cách, chắn gió, ngăn phát tán mùi, lọc mùi và tăng vẻ mỹ quan.
 - + Đối với công trình xử lý nước thải: Thường xuyên nạo vét, duy tu, bảo trì, vận hành, hệ thống xử lý nước thải đảm bảo nước thải sau xử lý đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định, khơi thông hệ thống dẫn phân nước tránh gây ứ đọng.
- Biện pháp xử lý mùi của phân lợn:

+ Dự án lựa chọn mô hình công nghệ sinh học (chuồng kín, làm mát theo phương pháp bay hơi, đảm bảo nhiệt độ và tiểu khí hậu chuồng trại ổn định, giảm thiểu nguy cơ dịch bệnh và chăn nuôi theo mô hình tiết kiệm nước, giảm thiểu áp lực thải) và kỹ thuật chăn nuôi và quản lý cùng vào cùng ra theo tuần (công nghệ tiên tiến thế giới về chăn nuôi hiện nay).

+ Khử mùi hôi tại chuồng nuôi trong trại chăn nuôi và khu vực chứa bùn thải bằng chế phẩm vi sinh EMIC với tần suất 01 lần/tuần.

+ Thường xuyên phun thuốc khử trùng, khử mùi hôi tươi vào các hố tách phân.

+ Trồng cây xanh xung quanh khu vực Dự án để hạn chế việc phát sinh lượng khí thải từ hoạt động chăn nuôi.

+ Bố trí các quạt hút gió và phun chế phẩm vi sinh tại các vị trí hút gió ra bên ngoài và đảm bảo giữ cho môi trường thông thoáng.

+ Xây dựng chuồng thông thoáng, phân vùng quản lý và thu gom chất thải. Xây dựng trang trại tuân thủ heo QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện chăn nuôi an toàn sinh học.

+ Bổ sung chế phẩm sinh học EM vào thức ăn nhằm không chế phát sinh NH_3 với hiệu quả giảm mùi đạt được 60 - 80%.

- Đối với các khu vực khác:

+ Sử dụng chế phẩm vi sinh EM Pro 1 xử lý mùi hôi từ bể biogas: Theo tỉ lệ: 1 lít EM Pro 1 xử lý cho 2 - 3m³ chất thải.

4.3. Chất thải rắn, CTNH:

4.3.1. CTR thông thường:

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí tại mỗi công trường thi công khoảng 02 thùng chứa CTR sinh hoạt chuyên dụng có nắp đậy dung tích khoảng 50 lít/thùng để thu gom, phân loại tại nguồn toàn bộ CTR sinh hoạt phát sinh và sẽ được chủ đầu tư chôn lấp trong khu vực Dự án.

- Toàn bộ sinh khối, CTR từ hoạt động phát quang cây cối được phơi khô sau đó tiến hành đốt có kiểm soát.

- CTR thông thường: Thu gom vào vị trí quy định để tái sử dụng hoặc bán lại cho các đơn vị thu mua tái chế phế thải. Chất thải rắn xây dựng sau khi thu gom sẽ được lưu giữ tại khu vực chứa tập trung tại công trường thi công. Phối hợp với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

b) Giai đoạn vận hành

- Đối với CTR chăn nuôi: Thu gom về bể thu gom sau đó đưa vào máy ép phân. Phân khô được đóng bao tại chỗ và lưu giữ vào nhà ép phân với diện tích 150m². Nhà lưu giữ được xây dựng tường kín, có mái che, nền đổ bê tông, đảm bảo thông thoáng, trong nhà chứa bố trí giá gỗ xếp bao chứa tránh tiếp xúc với mặt đất gây ẩm phát sinh mùi, chất hữu cơ gây hại, để hạn chế mùi trong nhà chứa bao phân định kỳ hàng tuần rắc vôi bột quanh tường nhà chứa bao phân để hạn chế phát sinh ruồi, muỗi. Phân thải chăn nuôi được ép còn độ ẩm từ 25-30% sau đó mang đi ủ phân vi sinh; lượng phân sau khi ủ vi sinh được sử dụng bón cho diện tích cây xanh trong

trang trại hoặc bán cho các hộ dân trồng cây và các nhà máy chế biến phân vi sinh.

- CTR thông thường bao gồm bao bì, thùng đựng thức ăn sẽ được tận dụng đựng phân lợn sau khi ủ vi sinh hoặc bán cho các đơn vị có nhu cầu. Kho chứa CTR thông thường có diện tích 52 m^2 (trong khu vực lưu giữ chất thải chung có diện tích 72 m^2).

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường; tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan, cụ thể như sau:

+ Bố trí 2 thùng rác 240 lít có nắp đậy và có bánh xe đặt ở trong kho chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 10 m^2 (trong khu vực lưu giữ chất thải chung có diện tích 72 m^2) để chứa chất thải sinh hoạt phát sinh từ khu hành chính – quản lý – phụ trợ, nhà bảo vệ, bếp ăn,...

+ Chất thải có khả năng tái chế như bìa carton hỏng, vỏ lon, chai lọ... Chủ Dự án sẽ bố trí người thu gom và bán cho cơ sở có nhu cầu tái chế.

+ Thức ăn thừa, gốc rau củ sẽ được phân loại ngay từ nguồn để cho vào bể biogas.

+ Bố trí người thường xuyên dọn dẹp vệ sinh môi trường thu gom rác thải rắn trong khu vực đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, bể biogas, bể tự hoại: Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung, bể biogas (định kỳ 3 tháng/lần) và bùn bể tự hoại (định kỳ 6 tháng/lần) được hút lên ép qua máy ép phân sau đó xử lý như phân lợn, ủ tại nhà tách phân.

- Đối với biện pháp xử lý xác lợn chết do bệnh thông thường (không do dịch): Tiến hành tiêu hủy theo quy định, biện pháp áp dụng là chôn lấp tại khu vực vườn cây cách ly của trang trại, đảm bảo yếu tố không gây ô nhiễm môi trường và cách xa khu vực nhà điều hành tránh gây ảnh hưởng tới sức khỏe con người. Hố chôn có biển cảnh báo người ra vào khu vực.

Quy trình và thông số kỹ thuật của hố chôn xác lợn cụ thể như sau:

Hố chôn lợn chết có chiều rộng không quá 3m, chiều sâu trong khoảng $2,0 \div 3,0 \text{ m}$, chiều dài không cố định, thể tích hố chôn gấp $1,5 \div 2$ lần thể tích lợn chết cần chôn. Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi/m^2 , cho bao chứa xác lợn xuống hố, rắc vôi bột với lượng $0,8 \text{ kg/m}^2$, hoặc phun dung dịch chlorine nồng độ 2%, với lượng $0,2 - 0,25 \text{ lít/m}^2$ để diệt mầm bệnh phát tán, lấp đất và nén chặt. Khoảng cách từ bề mặt bao chứa đến mặt đất tối thiểu là $0,5 \text{ m}$; lớp đất phủ bên trên bao chứa dày ít nhất là 1 m và cao hơn mặt đất để tránh nước chảy vào bên trong gây sụt, lún hố chôn. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đảm bảo tuân thủ QCVN 01-41:2011/BNNT về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

- Đối với biện pháp xử lý xác lợn chết do dịch: Tuân thủ nghiêm các quy định

của cấp có thẩm quyền về tiêu hủy xác lợn chết do dịch, bảo đảm vệ sinh môi trường, phòng chống lây nhiễm, phát tán dịch bệnh.

4.3.2. Chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí các thùng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đủ số lượng để thu gom lưu giữ tạm thời CTNH tạm thời khoảng 10 m² có mái che tạm thời, cốt nền cao hơn cốt chung khoảng 10 cm, nền được cứng hoá đảm bảo không thấm, không rò rỉ chất thải ra ngoài môi trường, có biển báo hiệu khu lưu giữ chất thải nguy hại đúng theo quy định. CTNH được phân loại, phân định, dán nhãn và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý tuân thủ theo các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Đối với các loại CTNH như: Hộp mực in thải; bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin, ắc quy chì thải; gia súc chết (do dịch bệnh); chất thải có thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại được phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, cụ thể như sau:

- Phân loại CTNH bắt đầu từ thời điểm đưa vào khu vực lưu giữ CTNH.

- Các thùng có nắp đậy trong kho lưu giữ CTNH. Các thùng sẽ được dán biển cảnh báo, ghi rõ mã CTNH, kí hiệu và tên từng loại CTNH.

- Bố trí 01 nhà kho chứa CTNH với diện tích 10 m² (trong khu vực lưu giữ chất thải chung có diện tích 72 m²).

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý tuân thủ theo các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.4. Tiếng ồn, độ rung:

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Sử dụng các máy xây dựng mới, chất lượng tốt, khả năng gây ồn thấp.

- Không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công có gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện thi công, thay thế các bộ phận truyền động bị hư hỏng, lắp đặt và bảo trì các thiết bị giảm thanh, đảm bảo đạt tiêu chuẩn về độ ồn theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt.

- Sắp xếp thời gian làm việc thích hợp theo đúng giờ lao động.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

b) Giai đoạn vận hành

- Các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng và vận hành đúng tốc độ tại từng khu vực nhằm đảm bảo không gây tiếng ồn cho môi trường xung quanh, hạn chế việc sử dụng còi trong khu vực Dự án.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Định kỳ kiểm tra các ống dẫn nước và thông tắc ống kịp thời khi có sự cố.
 - Định kỳ kiểm tra các đường ống, thiết bị, bể xử lý.
 - Bố trí nhân viên có chuyên môn phụ trách vận hành hệ thống xử lý nước thải, ghi sổ nhật ký vận hành.

- Khi phát hiện có dấu hiệu sự cố với hệ thống xử lý nước thải tập trung hoặc nước thải sau xử lý chưa đạt yêu cầu, dừng ngay các hoạt động của trạm xử lý; có biện pháp lưu trữ, quay vòng xử lý nước thải chưa đạt chuẩn, đảm bảo không để nước thải rò rỉ ra môi trường.

- Báo ngay cho nhà cung cấp, hoặc cơ quan có chức năng về môi trường về các sự cố để có biện pháp phối hợp khắc phục trong thời gian ngắn nhất.

b) Sự cố lộn chết và dịch bệnh

Đối với lộn chết do dịch bệnh, chủ Dự án sẽ thông báo ngay cho cơ quan quản lý thú y địa phương và thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển đi tiêu hủy và xử lý theo đúng quy định.

c) Biện pháp giảm thiểu sự cố về thiên tai

- Xây dựng công trình đảm bảo theo các quy định, tiêu chuẩn về xây dựng để có thể chịu đựng được các điều kiện khắc nghiệt của gió bão.

- Thành lập đội phòng chống bão lụt, đội ứng cứu, cứu hộ tại chỗ, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phòng chống, ứng cứu khi có sự cố bão, lũ lụt xảy ra.

- Bố trí cán bộ trực ngày và đêm nhằm phát hiện và khắc phục sớm những sự cố có thể xảy ra do thiên tai.

- Cắt tỉa cành cây trước mùa mưa bão, có biện pháp gia cố các cây lớn trong khuôn viên Dự án để giảm thiểu khả năng bị gãy đổ dưới tác động của gió trong bão, áp thấp nhiệt đới.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án đầu tư:

Các nội dung, yêu cầu, tần suất, thông số giám sát ứng với từng giai đoạn của Dự án đầu tư:

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Giám sát chất lượng môi trường không khí
- + Vị trí giám sát: 03 vị trí tại khu vực xây dựng (đầu, giữa, cuối)
- + Thông số giám sát: Bụi, tiếng ồn, các khí CO, SO₂, NO_x
- + Tần số giám sát: 03 tháng/lần.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi
- giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học

tại nơi làm việc, QCVN 24:2016/BYT - Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- Giám sát CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH

- + Vị trí giám sát: Tại kho lưu chứa CTR thông thường và kho chứa CTNH tạm thời tại công trường thi công.

- + Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH theo quy định. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Giám sát vận chuyển, đổ thải

- + Vị trí: tại tất cả những vị trí có phát sinh đất, đá, phế thải và CTR phát quang; giám sát việc vận chuyển đổ thải. Chỉ đổ thải vào những vị trí được chấp thuận bằng văn bản từ cấp có thẩm quyền.

- + Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

- + Thông số giám sát: khối lượng, tuyến đường vận chuyển, biện pháp đảm bảo môi trường trong quá trình vận chuyển đổ thải.

b) Giai đoạn vận hành

- Giám sát nước thải: giám sát đối với nước thải sau khi xử lý (đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung)

- + Vị trí giám sát: 1 vị trí sau hệ thống xử lý trước khi sử dụng tái sử dụng

- + Thông số quan trắc: Nhiệt độ, lưu lượng, pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng N, Tổng P, Tổng Coliform.

- + Tần suất: 03 tháng/lần.

- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi.

- Giám sát nước dưới đất

- + Vị trí giám sát: 01 vị trí tại giếng khoan của cơ sở

- + Thông số quan trắc: pH; Amoni (NH₄⁺); Nitrit (NO₂⁻); Nitrat (NO₃⁻); Sunfat (SO₄²⁻); Coliform

- + Tần suất: 06 tháng/lần.

- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 09 - MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

- Giám sát CTR

- + Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại CTR sinh hoạt, CTR thông thường theo quy định. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- + Tần suất giám sát: Thường xuyên (cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi

chuyển giao chất thải cho đơn vị thu gom, xử lý.

+ Vị trí giám sát: Kho phân và nhà ủ phân, nhà lưu chứa chất thải thông thường của từng khu trại chăn nuôi.

+ Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp thông thường.

+ Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải (theo nội dung, yêu cầu kỹ thuật đã cam kết).

+ Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn theo quy định.

- Giám sát CTNH

+ Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại CTNH theo quy định. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Tần suất giám sát: Thường xuyên (cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi có chuyển giao CTNH cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

+ Vị trí giám sát: Nhà lưu chứa CTNH của từng khu trại chăn nuôi.

+ Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý CTNH.

+ Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Giám sát sự cố môi trường và các giám sát khác

+ Thường xuyên (cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi) giám sát, phát hiện nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước thải và nước mưa, hệ thống xử lý nước thải tập trung; sự cố sụt lún, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường khác có thể xảy ra; công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC); an toàn điện; an toàn và vệ sinh lao động.

+ Thường xuyên giám sát mùi hôi tại các vị trí gần nhất với các hộ dân xung quanh, đánh giá hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ các hoạt động của Dự án để có phương án tăng cường, điều chỉnh thực hiện các biện pháp giảm thiểu được áp dụng.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện có liên quan đến môi trường sau:

- Chỉ được triển khai xây dựng Dự án khi đã hoàn thiện các thủ tục về chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, đền bù, giải phóng mặt bằng (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của Dự án; thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng.

- Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ khối lượng thực bì theo đúng quy định. Chỉ được phép đổ thải vào các vị trí được chấp thuận bằng văn bản của cấp có thẩm quyền. Thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ khối lượng chất thải rắn, chất thải nguy hại, chất thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình thi công, xây dựng, vận hành Dự án, phải tuân thủ thực hiện theo: các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục, công trình của Dự án; thiết kế và vị trí xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và đảm bảo tuân thủ quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án, đảm bảo tuân thủ quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành về tiếng ồn và độ rung; tiến hành trồng cây với mật độ phù hợp đồng thời thực hiện các biện pháp và xây dựng, lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường để ngăn ngừa phát sinh và hạn chế phát tán mùi hôi, khí bụi, tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động xấu đến cảnh quan, môi trường, hệ sinh thái, các công trình xây dựng và đời sống kinh tế, xã hội của cộng đồng dân cư trong quá trình thi công xây dựng, vận hành các hạng mục công trình của Dự án.

- Xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án, hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, chất lượng nước, hệ sinh thái thủy sinh khu vực Dự án; đảm bảo không gây úng ngập khu vực xung quanh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án. Lót đáy HDPE toàn bộ hồ sinh học chứa nước thải tái sử dụng của Dự án để ngăn chặn các chất ô nhiễm ngấm vào đất, nước dưới đất; thực hiện các biện pháp xử lý, quản lý, giám sát, đảm bảo nước trong hồ chứa nước tái sử dụng của Dự án luôn đạt quy chuẩn cho mục đích tái sử dụng để tưới cây và cho các hoạt động khác của Dự án.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng phải được xử lý đạt QCVN 14:2008 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải thi công sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi được thu gom, tái sử dụng. Toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án phải được thu gom, đấu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của mỗi khu trại để xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định. Nước thải sau khi xử lý được tái sử dụng, không thải ra môi trường. Tuân thủ nghiêm thủ tục trình và cấp giấy phép môi trường của Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Lập biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cho hệ thống xử lý nước thải tập trung. Khi phát hiện có dấu hiệu sự cố với hệ thống xử lý nước thải tập trung hoặc

nước thải sau xử lý chưa đạt yêu cầu, phải dừng ngay các hoạt động của trạm xử lý; có biện pháp lưu trữ, quay vòng xử lý nước thải chưa đạt chuẩn, đảm bảo không để nước thải rò rỉ ra môi trường.

- Thiết lập hệ thống cảnh báo nguy hiểm, cảnh báo giao thông trong khu vực thi công; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tới các hoạt động giao thông của khu vực xung quanh. Hàng năm phải lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố an toàn và môi trường khác phát sinh trong quá trình thi công và vận hành Dự án; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Quản lý và sử dụng hóa chất, thuốc thú y theo đúng quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng những giống lợn, loại thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng và lưu hành tại Việt Nam.

- Chủ Dự án phải đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường và lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

- Chịu trách nhiệm về công tác bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.